

# DANH MỤC VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU TỪ NEW ZEALAND

(Danh mục này sẽ thường xuyên được sửa đổi, bổ sung theo quy định)

## 1. Cây và các bộ phận còn sống của cây

### 1.1. Hạt giống cây trồng

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Bầu	<i>Lagenaria leucantha</i> var. <i>gourdo</i>	x	
2.	Bầu	<i>Lagenaria siceraria</i>	x	
3.	Bí đao	<i>Benincasa cerifera</i>	x	
4.	Bí đao	<i>Benincasa hispida</i>	x	
5.	Bí đỏ	<i>Cucurbita maxima</i>	x	
6.	Bí đỏ	<i>Cucurbita moschata</i>	x	
7.	Bí đỏ	<i>Pumpkin delica</i>	x	
8.	Bí rợ	<i>Cucurbita pepo</i>	x	
9.	Cà chua	<i>Solanum lycopersicum</i>	x	
10.	Cà pháo	<i>Solanum macrocarpon</i>	x	
11.	Cà rốt	<i>Daucus carota</i>	x	
12.	Cà tím	<i>Solanum melongena</i>	x	
13.	Cà tím	<i>Solanum melongena</i> var. <i>esculentum</i>	x	
14.	Cải	<i>Brassica alboglabra</i>	x	
15.	Cải	<i>Brassica pe-tsai bailey</i>	x	
16.	Cải bắp	<i>Brassica oleracea</i>	x	
17.	Cải bắp	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>capitata</i>	x	
18.	Cải bắp brussels	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>gemmifera</i>	x	
19.	Cải bẹ	<i>Brassica campestris</i>	x	
20.	Cải bẹ	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>sabauda</i>	x	
21.	Cải bẹ dưa	<i>Brassica juncea</i> subsp. <i>chinensis</i>	x	
22.	Cải bẹ trắng	<i>Brassica chinensis</i>	x	
23.	Cải bẹ xanh	<i>Brassica juncea</i>	x	
24.	Cải bẹ xanh	<i>Brassica juncea</i> var. <i>foliosa</i>	x	
25.	Cải bó xôi	<i>Spinacia oleracea</i>	x	
26.	Cải củ Nabo Navet turnip	<i>Brassica rapa</i> var. <i>rapa</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
27.	Cải cúc	<i>Chrysanthemum coronarium</i>	x	
28.	Cải dầu	<i>Brassica rapa ssp. oleifera</i>	x	
29.	Cải mù tạt	<i>Brassica nigra</i>	x	
30.	Cải ngọt	<i>Brassica rapa var. chinensis</i>	x	
31.	Cải ngọt	<i>Brassica integrifolia</i>	x	
32.	Cải ngọt	<i>Brassica rapa</i>	x	
33.	Cải sậy	<i>Brassica juncea</i>	x	
34.	Cải thảo	<i>Brassica campestris ssp. pekinensis</i>	x	
35.	Cải thảo	<i>Brassica chinensis</i>	x	
36.	Cải thìa	<i>Brassica campestris chinensis var. communis</i>	x	
37.	Cải tùa xại	<i>Brassica juncea</i>	x	
38.	Cải trắng	<i>Brassica rapa subsp. chinensis</i>	x	
39.	Cải xanh	<i>Brassica campestris</i>	x	
40.	Cải xanh	<i>Brassica campestris ssp. chinensis var. utilis</i>	x	
41.	Cải xanh	<i>Brassica campestris subsp. chinensis</i>	x	
42.	Cải xanh	<i>Brassica rapa chinensis</i>	x	
43.	Cải xanh mở	<i>Brassica juncea subsp. chinensis</i>	x	
44.	Cần tây	<i>Apium graveolens var. dulce</i>	x	
45.	Củ cải	<i>Raphanus sativus</i>	x	
46.	Củ cải	<i>Raphanus sativus var. longipinnatus</i>	x	
47.	Củ cải Chard	<i>Beta vulgaris var. cicla</i>	x	
48.	Củ cải đỏ	<i>Beta vulgaris</i>	x	
49.	Đậu bắp	<i>Abelmoschus esculentus</i>	x	
50.	Đậu bắp	<i>Hybiscus esculentus</i>	x	
51.	Đậu cove	<i>Phaseolus vulgaris</i>	x	
52.	Đậu đũa	<i>Vigna sinensis</i>	x	
53.	Đậu Hà Lan	<i>Pisum sativum</i>	x	
54.	Đậu rồng	<i>Psophocarpus tetragonolobus</i>	x	
55.	Đậu xanh	<i>Phaseolus ayreus</i>	x	
56.	Đậu xanh	<i>Vigna radiata</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
57.	Đu đủ	<i>Carica papaya</i>	x	
58.	Dưa	<i>Cucumis melo</i>	x	
59.	Dưa chuột	<i>Cucumis sativus</i>	x	
60.	Dưa hấu	<i>Citrullus lanatus</i>	x	
61.	Hành	<i>Allium fistulosum</i>	x	
62.	Hành củ	<i>Allium cepa</i>	x	
63.	Hẹ	<i>Allium tuberosum</i>	x	
64.	Hoa Bắp cải cảnh	<i>Brassica oleracea</i>	x	
65.	Hoa Bất tử	<i>Helichrysum bracteatum</i>	x	
66.	Hoa Cẩm chướng	<i>Dianthus caryophyllus</i>	x	
67.	Hoa Cát tường	<i>Eustoma russellianum</i>	x	
68.	Hoa Cúc đồng tiền	<i>Dorotheanthus criniflorus</i>	x	
69.	Hoa Cúc lina	<i>Zinnia elegans</i>	x	
70.	Hoa Cúc móng tay	<i>Impatiens balsamina</i>	x	
71.	Hoa Cúc nhật	<i>Chrysanthemum paludosum</i>	x	
72.	Hoa Cúc sao nháy	<i>Cosmos bipinnatus</i>	x	
73.	Hoa Cúc thực dược	<i>Dolichos lablab</i>	x	
74.	Hoa Cúc thúy	<i>Callistephus chinensis</i>	x	
75.	Hoa Dạ yến thảo	<i>Petunia multiflora</i>	x	
76.	Hoa Dừa cạn	<i>Catharanthus roseus</i>		
77.	Hoa Dừa cạn	<i>Vinca rosea</i>	x	
78.	Hoa Hướng dương	<i>Helianthus annuus</i>	x	
79.	Hoa Mai địa thảo	<i>Impatiens walleriana</i>	x	
80.	Hoa Mãn đình hồng	<i>Alcea rosea</i>	x	
81.	Hoa Mào gà	<i>Celosa cristata</i>	x	
82.	Hoa Mào gà	<i>Celosia argentea</i>	x	
83.	Hoa Mười giờ	<i>Portulaca grandiflora</i>	x	
84.	Hoa Phăng xê	<i>Viola swiss</i>	x	
85.	Hoa Phù dung	<i>Delphinium consolida</i>	x	
86.	Hoa Thanh trúc	<i>Phlox drummondii</i>	x	
87.	Hoa Thu hải đường	<i>Begonia spp.</i>	x	
88.	Hoa Thực dược	<i>Dahlia variabilis</i>	x	
89.	Hoa Vạn thọ	<i>Tagetes patula</i>	x	
90.	Hoa Xa lem	<i>Limonium sinuatum</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
91.	Mồng tơi	<i>Basella rubra</i>	x	
92.	Mướp	<i>Luffa aegyptiaca</i>	x	
93.	Mướp đắng	<i>Momordica balsamica</i>	x	
94.	Mướp khía	<i>Luffa cuntangula</i>	x	
95.	Ớt	<i>Capsicum annuum</i>	x	
96.	Ớt	<i>Capsicum frutescens</i>	x	
97.	Rau cần	<i>Oenanthe javanica</i>	x	
98.	Rau dền	<i>Amaranthus tricolor</i>	x	
99.	Rau húng quế	<i>Ocimum basilicum</i>	x	
100.	Rau mùi	<i>Coriandrum sativum</i>	x	
101.	Rau mùi tàu	<i>Eryngium foetidum</i>	x	
102.	Rau mùi xoăn	<i>Petroselinum crispum</i>	x	
103.	Su hào	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>gongyloides</i>	x	
104.	Su hào	<i>Brassica caulorapa</i>	x	
105.	Su hào	<i>Brassica oleracea</i>	x	
106.	Su hào	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>gongyloides</i>	x	
107.	Súp lơ	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>botrytis</i>	x	
108.	Súp lơ xanh	<i>Brassica oleracea</i> <i>botrytis</i>	x	
109.	Súp lơ xanh	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>italica</i>	x	
110.	Thì là	<i>Anethum graveolens</i>	x	
111.	Tỏi tây	<i>Allium porrum</i>	x	
112.	Xà lách	<i>Cichorium endivia</i>	x	
113.	Xà lách	<i>Lactuca sativa</i>		
114.	Xà lách	<i>Lactuca sativa</i> var. <i>capitala</i>		

## 1.2. Củ giống

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Hoa chuông	<i>Sandersonia aurantiaca</i>	x	
2.	Hoa lily	<i>Lilium spp.</i>	x	

## 2. Củ tươi

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Củ hành	<i>Allium cepa</i>	x	
2.	Củ tỏi	<i>Allium sativa</i>	x	
3.	Khoai tây	<i>Solanum tuberosum</i>		x

## 3. Quả

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Anh đào	<i>Prunus avium</i>	x	
2.	Chanh leo	<i>Passiflora edulis</i>	x	
3.	Hồng	<i>Diospyros kaki</i>	x	
4.	Kiwi	<i>Actinidia arguta</i>	x	
	Kiwi	<i>Actinidia deliciosa</i>	x	
	Kiwi	<i>Actinidia chinensis</i>	x	
5.	Mơ	<i>Prunus armeniaca</i>	x	
6.	Táo	<i>Malus domestica</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
7.	Việt quất	<i>Vaccinium corymbosum</i>	x	

#### 4. Cỏ và hạt cỏ

##### 4.1. Hạt giống cỏ

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
2	Cỏ Alfalfa	<i>Medicago sativa</i>	x	

##### 4.2. Cỏ khô

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Cỏ khô	<i>Sphagnum cristatum</i>	x	